

QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN
BẢO HIỂM HỖ TRỢ TỬ KỲ CATHAY
(Kèm theo Công văn số 3407/BTC-QLBH
ngày 19 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Điều 1 – Định nghĩa

Trong điều khoản này, các thuật ngữ sau đây sẽ được diễn giải như sau:

- 1.1 Tuổi bảo hiểm¹: tuổi của Người được bảo hiểm căn cứ vào ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung này tính theo lần sinh nhật gần nhất vừa qua và được dùng để xác định phí bảo hiểm.
- 1.2 (Những) Người thụ hưởng: (các) cá nhân hoặc (các) tổ chức được Bên mua bảo hiểm chỉ định theo hợp đồng bổ sung để nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này.
- 1.3 Công ty: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay (Việt Nam), có Giấy phép thành lập và hoạt động số: 44GP/KDBH, được cấp ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- 1.4 Bảng tỷ lệ thương tật: bảng định nghĩa mức độ của bảy (07) loại thương tật và được kèm theo ở phần cuối của Quy tắc và Điều khoản này.
- 1.5 Ngày hiệu lực:
Nếu Bên mua bảo hiểm nộp đơn yêu cầu hợp đồng bổ sung cùng lúc với hợp đồng bảo hiểm chính thì ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung là ngày hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính với điều kiện Công ty chấp thuận hợp đồng bổ sung này và Người được bảo hiểm còn sống vào ngày Công ty phát hành hợp đồng bổ sung.
Nếu Bên mua bảo hiểm nộp đơn yêu cầu hợp đồng bổ sung sau ngày hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính thì Bên mua bảo hiểm phải yêu cầu trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày kỷ niệm sắp đến của hợp đồng bảo hiểm chính. Ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung (được ghi trong hợp đồng bổ sung) là ngày kỷ niệm hàng năm sắp đến của hợp đồng bảo hiểm chính, với điều kiện Công ty chấp thuận hợp đồng bổ sung và Người được bảo hiểm còn sống cho đến thời điểm Công ty phát hành hợp đồng bổ sung.
- 1.6 Người được bảo hiểm²: cá nhân đang cư trú tại Việt Nam và có tuổi bảo hiểm tối thiểu là mười lăm (15) tuổi và tuổi bảo hiểm tối đa là năm mươi chín (59) tuổi vào ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung và được Công ty chấp nhận bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này. Người được bảo hiểm có thể đồng thời là Người thụ hưởng hoặc Bên mua bảo hiểm.

¹ Theo Mục B.I.1(1.5) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

² Theo Mục B.I.1(1.3) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

Công ty sẽ không chấp nhận bảo hiểm Người được bảo hiểm nếu không nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm.

Đơn yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm sẽ được coi là sự đồng ý bằng văn bản.

- 1.7 Bên mua bảo hiểm³: bên mua bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm chính.
- 1.8 Ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm⁴: ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí được thể hiện tại trang hợp đồng bổ sung.
- 1.9 Hợp đồng bổ sung: hợp đồng bảo hiểm được quy định tại Điều 2.2.
- 1.10 Hợp đồng bảo hiểm chính: hợp đồng bảo hiểm mà hợp đồng bổ sung đính kèm.
- 1.11 Sự kiện bảo hiểm: sự kiện dẫn đến yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bổ sung này.
- 1.12 Số tiền bảo hiểm⁵: số tiền thỏa thuận giữa Công ty và Bên mua bảo hiểm được thể hiện trong hợp đồng bổ sung. Số tiền bảo hiểm có thể được thay đổi theo điều khoản của hợp đồng bổ sung này.
- 1.13 Phí bảo hiểm⁶: khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng cho Công ty theo định kỳ đóng phí và phương thức đóng phí do các bên thỏa thuận.
- 1.14 Tổng phí bảo hiểm đã đóng: tổng số phí bảo hiểm tính theo định kỳ năm Bên mua bảo hiểm phải đóng cho Công ty kể từ ngày hiệu lực hợp đồng cho đến ngày Người được bảo hiểm tử vong hoặc ngày mức độ thương tật được xác định theo chẩn đoán của bệnh viện hoặc trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn được chỉ định.
- 1.15 Thời hạn đóng phí bảo hiểm: khoảng thời gian Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm cho Công ty theo quy định trong hợp đồng bổ sung. Thời hạn đóng phí bảo hiểm tương ứng với thời hạn hợp đồng bổ sung.
- 1.16 Giá trị hoàn lại⁷: số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được (nếu có), nếu Bên mua bảo hiểm có yêu cầu hủy ngang hợp đồng bổ sung trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực. Hợp đồng bổ sung có giá trị hoàn lại khi Bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm cho hai (02) năm hợp đồng và hợp đồng bổ sung này có hiệu lực ít nhất hai (02) năm.
- 1.17 Phí bảo hiểm chưa được hưởng: số phí bảo hiểm còn lại sau khi trừ đi phần phí được tính theo tỷ lệ của số ngày giữa ngày đến hạn đóng phí trước và ngày xảy ra sự kiện được chi trả phí bảo hiểm chưa được hưởng này so với tổng số ngày giữa ngày đến hạn đóng phí trước và ngày đến hạn đóng phí tiếp theo.

³ Theo Mục B.I.1(1.2) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

⁴ Theo Mục B.I.1(1.10) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

⁵ Theo Mục B.I.1(1.11) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

⁶ Theo Mục B.I.1(1.9) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

⁷ Theo Mục B.I.1(1.12) Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

Điều 2 – Hợp đồng bổ sung⁸

- 2.1 Hợp đồng bổ sung được đính kèm theo hợp đồng bảo hiểm chính dựa trên đơn yêu cầu của Bên mua bảo hiểm.
- 2.2 Là thỏa thuận bằng văn bản giữa Công ty và Bên mua bảo hiểm bao gồm Quy tắc và Điều khoản của Bảo hiểm hỗ trợ tử kỳ Cathay; đơn yêu cầu bảo hiểm; các điều khoản bổ sung, các phụ lục bổ sung và bất kỳ thỏa thuận nào giữa các bên, được đính kèm theo bộ hợp đồng bổ sung, theo đó Công ty và Bên mua bảo hiểm cam kết tuân thủ Quy tắc và Điều khoản này.
- 2.3 Thời hạn của hợp đồng bổ sung: Thời hạn của hợp đồng bổ sung tối thiểu là sáu (06) năm, tối đa là hai mươi (20) năm tính từ ngày hiệu lực hợp đồng bổ sung cho đến ngày đáo hạn hợp đồng bổ sung theo Quy tắc và Điều khoản này.
- 2.4 Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa hợp đồng bổ sung và hợp đồng bảo hiểm chính thì các quy định theo hợp đồng bổ sung được áp dụng.

Điều 3 – Quyền lợi bảo hiểm

- 3.1 Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong: trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong, căn cứ vào Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bổ sung này, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong cho (những) Người thụ hưởng theo Điều 7 bằng số tiền bảo hiểm cộng với phí bảo hiểm chưa được hưởng. Kể từ thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong, hợp đồng bổ sung chấm dứt hiệu lực.
- 3.2 Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:
 - 3.2.1 Trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn hoặc bệnh lý, sau khi được giám định đầy đủ bởi một bệnh viện hoặc trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn do Công ty chỉ định và mức độ thương tật tương ứng với bảng tỷ lệ thương tật, căn cứ theo các Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bổ sung này, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho (những) Người thụ hưởng theo Điều 7 bằng số tiền bảo hiểm cộng với phí bảo hiểm chưa được hưởng. Kể từ thời điểm chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, hợp đồng bổ sung chấm dứt hiệu lực.
 - 3.2.2 Trường hợp Người được bảo hiểm bị từ hai (02) loại thương tật trở lên theo bảng tỷ lệ thương tật trong cùng một thời gian thì Công ty chỉ chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho một (01) loại thương tật.
 - 3.2.3 Trong trường hợp có sự khác biệt giữa định nghĩa/diễn giải trong bảng tỷ lệ thương tật của hợp đồng bổ sung và chẩn đoán/giám định của bệnh viện/trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn do Công ty chỉ định thì sẽ áp dụng theo định nghĩa/diễn

⁸ Theo Mục B.I.2 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

giải trong bảng tỷ lệ thương tật của hợp đồng bổ sung này. Danh sách bệnh viện/trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn do Công ty chỉ định được thông tin từ trung tâm dịch vụ khách hàng hoặc đại lý hoặc trên trang web của Công ty.

Điều 4 – Đóng phí bảo hiểm và thời gian gia hạn đóng phí⁹

- 4.1 Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng các khoản phí bảo hiểm vào ngày đến hạn đóng phí trong suốt thời hạn đóng phí của hợp đồng bổ sung.
- 4.2 Định kỳ đóng phí bảo hiểm và ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm của hợp đồng bổ sung được thực hiện cùng lúc với định kỳ đóng phí bảo hiểm và ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm chính. Quy định này cũng áp dụng trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào về định kỳ đóng phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm chính.
- 4.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn như đã thỏa thuận, Công ty cho phép một khoảng thời gian gia hạn là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm. Trong thời gian gia hạn này, Công ty không tính lãi đối với các khoản phí chưa đóng và hợp đồng bổ sung vẫn có hiệu lực.

Quá thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm, mà phí bảo hiểm đến hạn vẫn chưa được đóng, Công ty sẽ thông báo bằng văn bản đến Bên mua bảo hiểm về khoản phí bảo hiểm quá hạn và tình trạng mất hiệu lực của hợp đồng bổ sung.

Điều 5 – Khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung¹⁰

- 5.1 Hợp đồng bổ sung sẽ bị mất hiệu lực bất kỳ khi nào hợp đồng bảo hiểm chính bị mất hiệu lực.
- 5.2 Khi hợp đồng bổ sung bị mất hiệu lực theo quy định tại Điều 4.3 hoặc Điều 5.1, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau, trừ trường hợp quy định tại Điều 5.3:
 - 5.2.1 Bên mua bảo hiểm đưa ra yêu cầu khôi phục hiệu lực trong thời gian hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày hợp đồng bổ sung bị mất hiệu lực gần nhất; và
 - 5.2.2 Bên mua bảo hiểm đóng tất cả phí bảo hiểm đến hạn chưa đóng; và
 - 5.2.3 Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia bảo hiểm do Công ty quy định.
- 5.3 Nếu hợp đồng bảo hiểm chính bị mất hiệu lực và Bên mua bảo hiểm không nộp đơn yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm chính thì đơn yêu cầu khôi phục hiệu lực của hợp đồng bổ sung sẽ không có giá trị.
- 5.4 Nếu được Công ty chấp nhận yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung, thời điểm có hiệu lực của việc khôi phục này được tính từ ngày Công ty xác nhận chấp thuận việc khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung bằng văn bản, với điều kiện cả Bên mua

⁹ Theo Mục B.I.12 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

¹⁰ Theo Mục B.I.14 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm Công ty chấp thuận khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung. Công ty không bảo hiểm cho những sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian hợp đồng bổ sung bị mất hiệu lực.

- 5.5 Nếu Bên mua bảo hiểm không nộp đơn khôi phục hiệu lực trong vòng hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày hợp đồng bổ sung bị mất hiệu lực, hợp đồng bổ sung sẽ chấm dứt hiệu lực.

Điều 6 – Đơn vị tiền tệ

Tất cả các khoản tiền phải trả cho Công ty hoặc do Công ty chi trả đều được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam.

Điều 7 – (Những) Người thụ hưởng

- 7.1 (Những) Người thụ hưởng Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong theo hợp đồng bổ sung sẽ đồng thời là (những) Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm tử vong theo hợp đồng bảo hiểm chính.
- 7.2 (Những) Người thụ hưởng Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn chỉ có thể là Người được bảo hiểm theo hợp đồng bổ sung. Công ty không chấp nhận bất kỳ sự chỉ định hay thay đổi (những) Người thụ hưởng nào khác theo hợp đồng bổ sung này. Nếu Người được bảo hiểm chết mà Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn chưa được chi trả, Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn sẽ được chi trả cho những người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.
- 7.3 Nếu (những) Người thụ hưởng được chỉ định trong hợp đồng bổ sung tử vong cùng lúc hay trước Người được bảo hiểm, trừ khi Bên mua bảo hiểm đã chỉ định (những) Người thụ hưởng khác, (những) Người thụ hưởng của hợp đồng bổ sung này sẽ là (những) người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

Điều 8 – Điều khoản miễn truy xét

- 8.1 Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được Công ty miễn truy xét sau hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung gần nhất (lần sau cùng).
- 8.2 Quy định trên (Điều 8.1) sẽ không được áp dụng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm đã cố ý kê khai không trung thực những thông tin mà nếu biết được những thông tin đó, Công ty sẽ từ chối cấp hợp đồng bổ sung hoặc chấp nhận bảo hiểm với mức phí bảo hiểm cao hơn. Trong những trường hợp này, Công ty có thể hủy bỏ hợp đồng bổ sung và hợp đồng bổ sung không có hiệu lực ngay từ đầu.

Điều 9 – Điều khoản loại trừ

- 9.1 Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của:
- 9.1.1 hành động tự tử trong vòng hai (02) năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng bổ sung hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng bổ sung gần nhất (nếu có); hoặc
 - 9.1.2 Do Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) hoặc nhiễm vi rút HIV hoặc do bất cứ bệnh lý nào ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp từ HIV-AIDS; hoặc
 - 9.1.3 Bên mua bảo hiểm cố ý gây ra tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho Người được bảo hiểm; hoặc
 - 9.1.4 Do hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật Việt Nam được thực hiện bởi Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm, hoặc Người thụ hưởng; hoặc
 - 9.1.5 Do sử dụng trái phép các chất ma túy; hoặc
 - 9.1.6 Người được bảo hiểm bị thi hành án tử hình; hoặc
 - 9.1.7 Chiến tranh (không hoặc có tuyên bố), nội chiến, hoặc các hình thức xung đột có vũ trang tương tự; hoặc
 - 9.1.8 Nổ, nổ do sức nóng, bức xạ, nhiễm độc do thiết bị năng lượng hạt nhân hoặc nguyên tử gây ra.
- 9.2 Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của:
- 9.2.1 Thương tật đã xảy ra từ trước ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung hoặc trong thời gian hợp đồng bổ sung bị mất hiệu lực; hoặc
 - 9.2.2 Người được bảo hiểm cố ý gây thương tật cho chính mình; hoặc
 - 9.2.3 Do hành vi phạm tội của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 9.3 Công ty không chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong cho (những) Người thụ hưởng cố ý gây ra tử vong cho Người được bảo hiểm; tuy nhiên, Công ty vẫn phải chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong theo Điều 3 cho (những) Người thụ hưởng còn lại theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Bên mua bảo hiểm đã chỉ định trong hợp đồng bảo hiểm.
- 9.4 Khi Công ty không chi trả Quyền lợi bảo hiểm từ Điều 9.1 đến Điều 9.3, hợp đồng bổ sung sẽ chấm dứt hiệu lực và Công ty sẽ chi trả giá trị nào lớn hơn giữa giá trị hoàn lại (nếu có) và tổng phí bảo hiểm đã nộp (không có lãi) sau khi trừ đi chi phí dịch vụ. Nếu Bên mua bảo hiểm tử vong, số tiền này sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế của Việt Nam¹¹.

¹¹ Theo Mục B.II.16 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

Điều 10 – Bảng minh họa giá trị hoàn lại

Bảng minh họa giá trị hoàn lại được đính kèm trong hợp đồng bổ sung thể hiện giá trị hoàn lại vào cuối mỗi năm kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng bổ sung này.

Điều 11 – Thông báo tuổi/giới tính¹²

- 11.1 Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo chính xác tuổi/giới tính của Người được bảo hiểm vào thời điểm giao kết hợp đồng bổ sung để làm cơ sở tính phí bảo hiểm.
- 11.2 Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai tuổi và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm, số tiền bảo hiểm hoặc tổng phí bảo hiểm sẽ được điều chỉnh lại theo tuổi và/hoặc giới tính đúng. Cụ thể như sau:
 - 11.2.1 Nếu phí bảo hiểm đã nộp thấp hơn số phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ điều chỉnh lại số tiền bảo hiểm tương ứng với số phí bảo hiểm đã đóng và Bên mua bảo hiểm vẫn tiếp tục đóng phí bảo hiểm theo mức phí bảo hiểm cũ.
 - 11.2.2 Nếu số phí bảo hiểm đã đóng cao hơn số phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm đóng thừa, không có lãi.
- 11.3 Nếu theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Người được bảo hiểm không thể được bảo hiểm thì Công ty có quyền huỷ bỏ hợp đồng bổ sung và hoàn trả phí đã đóng không có lãi cho Bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan. Trường hợp hợp đồng bổ sung đã có hiệu lực từ hai (02) năm trở lên thì Công ty sẽ trả cho Bên mua bảo hiểm số tiền lớn hơn giữa giá trị hoàn lại và tổng phí bảo hiểm đã đóng của hợp đồng bổ sung.

Điều 12 – Nghĩa vụ kê khai trung thực các thông tin cần thiết của Bên mua bảo hiểm¹³

- 12.1 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Công ty đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho hợp đồng bổ sung này. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai đầy đủ và trung thực của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm theo hợp đồng bổ sung.
- 12.2 Nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm có ý kê khai không trung thực hoặc không cung cấp đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của Công ty, vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày hợp đồng bổ sung có hiệu lực, Công ty có quyền huỷ bỏ hợp đồng bổ sung ngay khi phát hiện ra hành vi vi phạm của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm và hợp đồng bổ sung sẽ

¹² Theo Mục B.I.5 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

¹³ Theo Mục B.I.6 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

không có hiệu lực ngay từ đầu. Việc xử lý vi phạm sẽ theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Điều 13 – Trách nhiệm cung cấp thông tin của Công ty¹⁴

- 13.1 Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bổ sung, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Công ty có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin do Bên mua bảo hiểm cung cấp.
- 13.2 Trường hợp Công ty cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bổ sung thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bổ sung; Công ty sẽ hoàn trả tổng phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm.

Điều 14 – Chấm dứt hợp đồng bổ sung

Hợp đồng bổ sung sẽ chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 14.1 Bên mua bảo hiểm yêu cầu hủy ngang hợp đồng bổ sung; hoặc
- 14.2 Hợp đồng bảo hiểm chính bị chấm dứt, bị hủy ngang; hoặc
- 14.3 Hợp đồng bảo hiểm chính chuyển đổi thành hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm giảm hoặc hợp đồng bảo hiểm tử kỳ; hoặc
- 14.4 Hợp đồng bổ sung chấm dứt theo quy định tại các điều 5.5, 9.4 hoặc 23.3; hoặc
- 14.5 Thời hạn bảo hiểm của hợp đồng bổ sung chấm dứt.

Nếu hợp đồng bổ sung chấm dứt không phải do sự kiện bảo hiểm, Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm phí bảo hiểm chưa được hưởng (nếu có) không có lãi sau khi trừ đi chi phí dịch vụ.

Điều 15 – Hủy ngang hợp đồng bổ sung

Bên mua bảo hiểm có thể hủy ngang hợp đồng bổ sung. Hợp đồng bổ sung cũng bị hủy ngang khi hợp đồng bảo hiểm chính bị hủy ngang. Việc hủy ngang của hợp đồng bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm gửi thông báo bằng văn bản đến Công ty yêu cầu hủy ngang hợp đồng bổ sung hoặc hợp đồng bảo hiểm chính. Khi hợp đồng bổ sung bị hủy ngang, Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại (nếu có) sau khi trừ chi phí dịch vụ.

Điều 16 – Chuyển nhượng hợp đồng bổ sung

Trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực, hợp đồng bổ sung sẽ được chuyển nhượng khi Bên mua bảo hiểm chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chính.

¹⁴ Theo Mục B.I.4 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

Điều 17 – Giảm số tiền bảo hiểm

Trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu giảm số tiền bảo hiểm với điều kiện số tiền bảo hiểm sau khi giảm không thấp hơn số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định của Công ty (số tiền bảo hiểm tối thiểu sẽ được thông tin từ trung tâm dịch vụ khách hàng). Trong trường hợp này, hợp đồng bổ sung được xem như hủy ngang một phần tương ứng với phần giảm của số tiền bảo hiểm và Công ty sẽ hoàn lại giá trị hoàn lại (nếu có) tương ứng với phần giảm của số tiền bảo hiểm sau khi trừ chi phí dịch vụ.

Điều 18 – Thay đổi hợp đồng bổ sung

Trừ khi có quy định khác trong Quy tắc và Điều khoản này, tất cả những thay đổi, bổ sung, hay hủy bỏ bất kỳ thông tin gì trong hợp đồng bổ sung đều chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm và Công ty đồng ý bằng văn bản và những xác nhận bổ sung này phải được đính kèm trong hợp đồng bổ sung.

Điều 19 – Giải quyết Quyền lợi bảo hiểm

19.1 (Những) Người thụ hưởng yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong theo Điều 3 sẽ phải cung cấp những tài liệu sau:

19.1.1 Bản gốc bộ hợp đồng bổ sung (gồm: Quy tắc và Điều khoản này, tất cả các bản phụ lục, các bản đính kèm và các tài liệu đưa vào tham chiếu (nếu có)). Nếu bản gốc bộ hợp đồng bảo hiểm bị mất, người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải cung cấp cho Công ty phó bản bộ hợp đồng bảo hiểm do Công ty cấp hoặc đơn có mất bộ hợp đồng bảo hiểm có xác nhận của chính quyền địa phương;

19.1.2 Giấy chứng tử của Người được bảo hiểm. Nếu cần thiết, Công ty có quyền yêu cầu (những) Người thụ hưởng cung cấp hộ khẩu đã xóa tên Người được bảo hiểm;

19.1.3 Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của Công ty;

19.1.4 Giấy tờ chứng minh nhân thân của (những) Người thụ hưởng; và

19.1.5 Những tài liệu khác trong danh mục hồ sơ theo mẫu yêu cầu của Công ty. Danh mục hồ sơ được thông tin từ trung tâm dịch vụ khách hàng hoặc đại lý hoặc trên trang web của Công ty.

19.2 Người yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn theo Điều 3 sẽ phải cung cấp những tài liệu sau:

19.2.1 Bản gốc bộ hợp đồng bổ sung (gồm: Quy tắc và Điều khoản này, tất cả các bản phụ lục, các bản đính kèm và các tài liệu đưa vào tham chiếu (nếu có)). Nếu bản gốc bộ hợp đồng bảo hiểm bị mất, người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải cung cấp cho Công ty phó bản bộ hợp đồng bảo hiểm do Công

ty cấp hoặc đơn có mất bộ hợp đồng bảo hiểm có xác nhận của chính quyền địa phương;

19.2.2 Kết quả giám định y khoa (do một bệnh viện hoặc trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn do Công ty chỉ định cấp);

19.2.3 Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của Công ty;

19.2.4 Giấy tờ chứng minh về quyền được yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (giấy ủy quyền hoặc giấy tờ xác nhận hợp pháp khác);

19.2.5 Giấy tờ chứng minh nhân thân của (những) Người thụ hưởng; và

19.2.6 Những tài liệu khác trong danh mục hồ sơ theo mẫu yêu cầu của Công ty. Danh mục hồ sơ được thông tin từ trung tâm dịch vụ khách hàng hoặc đại lý hoặc trên trang web của Công ty.

Công ty có thể yêu cầu Người được bảo hiểm tiến hành kiểm tra y tế khi giải quyết Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, chi phí kiểm tra y tế sẽ do Công ty chi trả.

19.3 Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm có thể phải nộp thêm các giấy tờ cần thiết khác do cơ quan có thẩm quyền cấp theo yêu cầu của Công ty. Công ty sẽ chịu phí cho việc cấp các loại giấy tờ này.

19.4 Bên mua bảo hiểm hoặc (những) Người thụ hưởng có nghĩa vụ thông báo cho Công ty về sự kiện bảo hiểm trong thời gian sớm nhất kể từ khi Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng biết được sự kiện bảo hiểm và cung cấp các chứng từ theo yêu cầu để giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Thời hạn nộp đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tới Công ty tối đa là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, thời hạn một (01) năm này không bao gồm thời gian trì hoãn do các trở ngại khách quan và sự kiện bất khả kháng.

19.5 Công ty sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định từ Điều 19.1 đến Điều 19.3. Nếu việc trì hoãn chi trả là do lỗi của Công ty, Công ty sẽ trả thêm tiền lãi của số tiền này theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành tại thời điểm thanh toán.

19.6 Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm, nếu Công ty từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm, Công ty sẽ nêu rõ lý do và thông báo bằng văn bản trong vòng 30 (ba mươi) ngày cho người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.¹⁵

Điều 20 – Khấu trừ các khoản nợ

Vào thời điểm Công ty thực hiện chi trả theo Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bổ sung này, nếu có bất kỳ khoản phí quá hạn nào thì Công ty sẽ tiến hành khấu trừ các khoản này trước khi thực hiện chi trả.

¹⁵ Theo Mục B.III.19 Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

Điều 21 – Người được bảo hiểm chết theo tuyên bố của tòa án

- 21.1 Trong thời gian hợp đồng bổ sung có hiệu lực, nếu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Người được bảo hiểm chết theo trường hợp mất tích như quy định của Bộ luật Dân sự Việt Nam, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong căn cứ vào ngày chết do tòa án tuyên bố.
- 21.2 Nếu Bên mua bảo hiểm hoặc (những) Người thụ hưởng cung cấp đầy đủ bằng chứng về Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong căn cứ vào ngày xảy ra tai nạn.
- 21.3 Nếu sau đó Người được bảo hiểm được phát hiện là còn sống, (những) Người thụ hưởng phải hoàn lại cho Công ty Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong mà Công ty đã chi trả trong thời hạn tối đa một (01) tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu của Công ty.

Điều 22 – Giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp¹⁶

Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng bổ sung này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên thì một trong các bên sẽ đưa ra tòa án ở Việt Nam nơi Công ty có trụ sở chính hoặc nơi Bên mua bảo hiểm cư trú hợp pháp giải quyết phù hợp với quy định hiện hành.

Thời hiệu khởi kiện là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Điều 23 – Thay đổi nơi cư trú

- 23.1 Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty ngay khi có thể nếu có sự thay đổi nơi cư trú của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm.
- 23.2 Nếu Bên mua bảo hiểm không thông báo bằng văn bản cho Công ty theo quy định trên, Công ty căn cứ vào địa chỉ lần cuối quy định trong hợp đồng bổ sung này để thông báo cho Bên mua bảo hiểm.
- 23.3 Nếu sau khi hợp đồng bổ sung được thực hiện, do thay đổi nơi cư trú của Người được bảo hiểm, một rủi ro được bảo hiểm theo hợp đồng bổ sung này cao hơn so với rủi ro đã được thẩm định, Công ty có thể tăng phí bảo hiểm, loại trừ bớt trách nhiệm bảo hiểm, giảm quyền lợi bảo hiểm, hoặc chấm dứt hợp đồng bổ sung. Trường hợp Công ty chấm dứt hợp đồng bổ sung, Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm phí bảo hiểm chưa được hưởng (nếu có) tại thời điểm chấm dứt hợp đồng bổ sung sau khi trừ chi phí dịch vụ.

¹⁶ Theo Mục B.IV Quy tắc điều khoản bảo hiểm nhân thọ mẫu

BẢNG TỶ LỆ THƯƠNG TẬT

Thứ tự	Mức độ thương tật
1	Mù hai mắt (xem ghi chú 1)
2	Mất cả hai bàn tay tính từ cổ tay, hoặc cả hai bàn chân tính từ cổ chân
3	Mất một bàn tay tính từ cổ tay và một bàn chân tính từ cổ chân
4	Mù một mắt (xem ghi chú 1) và mất một bàn tay tính từ cổ tay, hoặc mù một mắt (xem ghi chú 1) và mất một bàn chân tính từ cổ chân
5	Mất hoàn toàn khả năng nói (xem ghi chú 2) hoặc mất hoàn toàn khả năng nhai (xem ghi chú 3)
6	Mất toàn bộ và vĩnh viễn chức năng của tất cả các chi (xem ghi chú 4)
7	Tổn thương nghiêm trọng chức năng của hệ thần kinh trung ương hoặc chức năng của cơ quan ở ngực/bụng dẫn đến mất vĩnh viễn khả năng làm việc và phụ thuộc hoàn toàn vào sự giúp đỡ của người khác trong các sinh hoạt cần thiết hằng ngày để duy trì cuộc sống (xem ghi chú 5)

Ghi chú:

1. Định nghĩa mù:

- (1) Biểu đồ tầm soát thị lực Landolt sẽ được dùng để xác định thị lực của từng mắt riêng lẻ.
- (2) “Mù” có nghĩa là kết quả đo thị lực sẽ vĩnh viễn bằng hoặc dưới ngưỡng 0,02 theo Biểu đồ thị lực của Landolt.
- (3) Việc xác định sẽ được thực hiện sau sáu (06) tháng điều trị kể từ ngày bị tổn thương. Tuy nhiên, điều khoản này sẽ không áp dụng nếu Người được bảo hiểm đã qua phẫu thuật mức bỏ mắt hoặc tình trạng tổn thương dễ dàng nhận thấy là không thể hồi phục được.

2. “Mất khả năng nói” có nghĩa là bị một trong 3 tình trạng sau:

- (1) Không thể thực hiện được ba (3) trong bốn (4) chức năng (âm môi, âm răng, âm vòm, âm lưỡi gà) để tạo thành ngôn ngữ vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.
- (2) Cắt bỏ hoàn toàn dây thanh quản.
- (3) Tổn thương các dây thần kinh điều khiển nói dẫn đến tình trạng mất ngôn ngữ vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.

3. “Mất khả năng nhai” có nghĩa là tổn thương chức năng dẫn đến mất khả năng thực hiện hành động nhai vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng nhưng không phải do yếu tố về nha, và chỉ có thể nuốt được thức ăn lỏng.

4. “Mất toàn bộ và vĩnh viễn chức năng” có nghĩa là việc mất hoàn toàn chức năng vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.

5. “Phụ thuộc hoàn toàn vào người khác để thực hiện các sinh hoạt cần thiết hằng ngày để duy trì sự sống” có nghĩa là không thể tự ăn, đi tiêu/tiểu, thay quần áo, tắm, di chuyển; tất cả các hoạt động hằng ngày đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.

Sơ đồ Khớp xương

